

# GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH TỰ CHỦ TÀI CHÍNH TẠI ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

Nguyễn Thị Hương

Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội

Email: Nguyenhuongkhtc@gmail.com

Ngày nhận: 01/5/2016

Ngày nhận bản sửa: 10/6/2016

Ngày duyệt đăng: 25/6/2016

## Tóm tắt:

Bài viết này nghiên cứu việc thực hiện quyền tự chủ tài chính tại Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN). Kết quả nghiên cứu cho thấy ĐHQGHN đã đổi mới mạnh mẽ cơ chế tài chính nội bộ của mình và đã đạt được một số kết quả như: thực hiện phân cấp quản lý tài chính; quản lý tài chính từng bước gắn với yêu cầu về sản phẩm đầu ra; thực hiện phân bổ tài chính theo nhiệm vụ và khối lượng công việc. Tuy nhiên, ĐHQGHN vẫn chưa xây dựng được cơ chế tài chính đặc thù phát huy quyền tự chủ cao. Trên cơ sở đó, bài viết đã đề xuất một số giải pháp về hoàn thiện cơ chế tự chủ tài chính tại ĐHQGHN.

**Từ khóa:** Tự chủ tài chính, giáo dục đại học, Đại học Quốc gia Hà Nội

## Financial autonomy in Hanoi national university

*Abstract:*

*This paper studies the performance of financial autonomy at Hanoi National University (VNU). The study results showed that VNU has strong innovation in financing mechanism of its internal and gained some results, such as the decentralization of financial management; financial management associated with product output; implementation of financial allocations under the tasks and workload. However, VNU has not yet developed specific financing mechanisms to promote a greater autonomy. On this basis, the article has proposed some solutions to improve the mechanism of financial autonomy at VNU.*

*Keywords:* financial autonomy, higher education, Hanoi National University.

## 1. Đặt vấn đề

Tự chủ của trường đại học là xu thế tất yếu khách quan nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu của các cơ sở đào tạo, góp phần cải thiện chất lượng nguồn nhân lực và đóng góp cho phát triển kinh tế xã hội bền vững. Chính vì vậy, trong thời gian qua, trên cơ sở một loạt các văn bản về tự chủ tài chính được Nhà nước ban hành, nhiều trường đại học Việt Nam đã áp dụng linh hoạt và cải tiến cơ chế quản lý tài chính nội bộ cho phù hợp với yêu cầu phát triển (Chính phủ, 2013).

Là trung tâm đào tạo, nghiên cứu khoa học và công nghệ đa ngành, đa lĩnh vực chất lượng cao,

được Nhà nước ưu tiên đầu tư phát triển, Đại học Quốc gia Hà Nội đã có nhiều đổi mới trong cơ chế quản lý tài chính của mình. Song, trên thực tế việc đổi mới cơ chế tài chính tại ĐHQGHN mặc dù đạt được những kết quả nhất định nhưng đang tồn tại những vấn đề bất cập để phát triển theo mô hình đổi mới cơ chế hoạt động đối với cơ sở đại học công lập theo Nghị quyết 77 đã ban hành ngày 24/10/2014 và Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ban hành ngày 14/02/2015 của Chính phủ.

Bài viết tập trung phân tích thực trạng thực hiện tự chủ tài chính tại ĐHQGHN đồng thời đề xuất một số giải pháp đẩy mạnh tự chủ tài chính tại ĐHQGHN cũng như của các trường đại học thành

viên thuộc ĐHQGHN gắn với mục tiêu chất lượng.

## **2. Thực trạng tự chủ tài chính ở Đại học Quốc gia Hà Nội**

### **2.1. Kết quả đạt được**

Thực hiện chính sách đổi mới cơ chế tài chính của Chính phủ, từ năm 2002, ĐHQGHN đã xây dựng Đề án tự chủ tài chính. ĐHQGHN là một trong số các đơn vị nhận thí điểm thực hiện cơ chế tự chủ tài chính theo Nghị định 10/2002/NĐ-CP. Trên cơ sở những kết quả đạt được sau khi thực hiện Nghị định 10/2002/NĐ-CP, ngay khi Nghị định 43/2006/NĐ-CP của Chính phủ được ban hành, ĐHQGHN đã triển khai thực hiện và giao quyền tự chủ tài chính cho các trường đại học và đơn vị sự nghiệp trực thuộc. Bên cạnh đó, ĐHQGHN phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng Đề án thí điểm cơ chế tài chính Nhà nước đặt hàng đối với các ngành khoa học cơ bản theo tinh thần Kết luận số 37-TB/TW ngày 26/5/2011 của Bộ Chính trị .

Thực hiện đúng và tận dụng cơ chế tài chính mà Chính phủ đối với ĐHQGHN, những năm qua ĐHQGHN đã đổi mới mạnh mẽ cơ chế tài chính nội bộ của mình và đã đạt được một số kết quả sau:

*Thứ nhất*, thực hiện 3 cấp quản lý tài chính theo cơ chế tự chủ tài chính, đó là:

Cấp I: Cấp được ngân sách nhà nước đảm bảo chi cho hoạt động thường xuyên nhằm duy trì quản lý và điều hành cấp vĩ mô, cấp này có nguồn thu sự nghiệp <10% tổng kinh phí Nhà nước cấp, do các đơn vị thành viên và trực thuộc nộp lên từ nguồn thu học phí để phục vụ công tác quản lý và điều hành (cơ quan ĐHQGHN).

Cấp II: Cấp được ngân sách nhà nước đảm bảo chi 50-60% hoạt động thường xuyên cho đào tạo, phục vụ đào tạo, bao gồm: các trường đại học thành viên, các khoa trực thuộc.

Cấp III: Cấp tự đảm bảo toàn bộ kinh phí để chi cho hoạt động thường xuyên. Đó là các đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực xuất bản, in ấn, các đơn vị hoạt động dịch vụ trong lĩnh vực chuyển giao công nghệ.

Sự phân cấp quản lý tài chính trên một mặt giúp ĐHQGHN điều phối được nguồn tài chính từ ngân sách nhà nước cấp từ đơn vị thừa sang đơn vị thiếu trong các nhiệm vụ trọng tâm của ĐHQGHN giao cho các đơn vị đồng thời tạo điều kiện cho các đơn vị thành viên và trực thuộc chủ động trong kế hoạch chi tiêu trong khuôn khổ pháp luật và theo quy chế

chi tiêu nội bộ của đơn vị nhằm sử dụng hiệu quả nguồn kinh phí, nâng cao chất lượng đào tạo.

*Thứ hai*, quản lý ngân sách từng bước gắn với yêu cầu về sản phẩm đầu ra.

Ban hành các hướng dẫn lập kế hoạch, lập dự toán gắn với hoạt động và sản phẩm đầu ra (xây dựng mục tiêu, kế hoạch và nội dung hoạt động, các sản phẩm đạt được và nguồn lực tương ứng cần có) làm cơ sở phân bổ dự toán theo các nhiệm vụ, chi tiêu của ĐHQGHN.

Từng bước xây dựng các chỉ số yêu cầu về sản phẩm đầu ra để đánh giá kết quả hoạt động và hiệu quả đầu tư nhằm nâng cao chất lượng. Ví dụ, việc xây dựng các chỉ số sản phẩm đầu ra của Đề án xây dựng và phát triển một số ngành, chuyên ngành đạt trình độ quốc tế, của hoạt động khoa học công nghệ.

*Thứ ba*, thực hiện phân bổ ngân sách theo nhiệm vụ và khối lượng công việc.

Thực hiện định biên, giao nhân lực và quỹ lương theo khối lượng công việc và nhiệm vụ thực tế đảm nhiệm của các trường đại học và đơn vị trực thuộc. Hiệu trưởng các trường đại học thành viên được quyền quyết định tuyển dụng, sử dụng biên chế trong phạm vi số nhân lực và quỹ lương được giao. Thực tế, một số đơn vị đã tiết kiệm, sử dụng số biên chế ít hơn nhân lực được giao để tăng kinh phí hoạt động và thu nhập cho cán bộ.

Phân bổ kinh phí theo nhiệm vụ và chỉ tiêu kế hoạch đã đăng ký và được phê duyệt; kết quả thực hiện các nhiệm vụ và chỉ tiêu của đơn vị năm trước (năng lực của đơn vị).

Phân bổ kinh phí theo trọng số ngành đào tạo dựa trên đặc thù ngành, trong đó có hệ số ưu tiên đối với các ngành khoa học cơ bản có thực nghiệm, thực địa; ưu tiên các ngành khó tuyển sinh.

Thực hiện đầu tư có trọng tâm, trọng điểm cho một số ngành, chuyên ngành có điều kiện cận kề về chương trình đào tạo, về đội ngũ, về cơ sở học liệu và các điều kiện đảm bảo chất lượng khác sớm đạt trình độ quốc tế.

Giao quyền tự chủ và tăng cường phân cấp cho các đơn vị trực thuộc về tổ chức, bộ máy, nhân sự và tài chính.

### **2.2. Hạn chế và bất cập**

Mặc dù cơ chế tài chính của Nhà nước đối với ĐHQGHN ngày càng thông thoáng và hoàn thiện hơn, song vẫn tồn tại rất nhiều bất cập.

- Bất cập về cơ chế thu, chi đối với tất cả các cơ sở đào tạo đại học công lập nói chung, trong đó có ĐHQGHN, bao gồm:

*Thứ nhất*, mặc dù đã tự chủ về tài chính nhưng ĐHQGHN không được tự xác định mức học phí, vẫn phải tuân thủ mức trần học phí thấp được quy định tại Nghị định 49/2010/NĐ-CP của Chính phủ nay là Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 2 tháng 10 năm 2015 (Đại học Quốc gia Hà Nội, 2014a).

*Thứ hai*, ĐHQGHN không được tự xác định chỉ tiêu tuyển sinh phù hợp với năng lực và tình hình thực tiễn của mình. Chỉ tiêu này vẫn được phân bổ một cách cơ học hàng năm. Ngoài ra, các đơn vị tự chủ vẫn còn bị quản lý chương trình khung rất chặt chẽ, nên chương trình giảng dạy ở các trường thường tương tự nhau, làm giảm tính cạnh tranh, giảm khả năng tuyển sinh của một số trường.

*Thứ ba*, đối với các trường tự chủ một phần, Nhà nước còn thực hiện cơ chế khoán ngân sách cho từng trường, với mức khoán chưa gắn với nhiệm vụ được giao, chất lượng đào tạo và sản phẩm đầu ra. Việc phân bổ ngân sách này còn mang tính bình quân, phụ thuộc vào khả năng cân đối của ngân sách nhà nước, do đó không khuyến khích tính năng động, tích cực và không tạo động lực cạnh tranh cho các trường đại học.

*Thứ tư*, ĐHQGHN chưa được tự chủ hoàn toàn về bộ máy và biên chế. Mặc dù đã có thông tư liên tịch giữa Bộ Giáo dục và Đào tạo với Bộ Nội vụ hướng dẫn cụ thể hóa việc trao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức và biên chế cho các đơn vị sự nghiệp công lập, nhưng trên thực tế quy định này chưa được thực hiện thống nhất. Các bộ, ngành và địa phương chủ quản vẫn áp đặt các quy định riêng về tổ chức bộ máy và biên chế đối với các trường đại học do mình quản lý.

*Thứ năm*, khi Nhà nước điều chỉnh các quy định về tiền lương, nâng mức lương tối thiểu, khoản tiền lương cấp bậc, chức vụ tăng thêm theo chế độ nhà nước quy định sẽ do các trường tự chủ tự bảo đảm từ các nguồn thu sự nghiệp. Như vậy, mỗi khi có tăng lương, trường sẽ phải cắt giảm nguồn tài chính dành cho hoạt động đào tạo trực tiếp để tăng lương, ảnh hưởng trực tiếp tới chất lượng đào tạo. Trường gặp khó khăn lớn khi không thể cắt giảm nhiều nguồn tài chính dành cho hoạt động đào tạo.

*Thứ sáu*, theo quy định hiện hành các hoạt động sự nghiệp và dịch vụ, khoản thu nhập tăng thêm

theo quy chế chi tiêu nội bộ không được tính vào chi phí thường xuyên và khoản kinh phí này phải hạch toán sau thuế. Điều này làm tăng khó khăn tài chính cho trường.

*Thứ bảy*, ĐHQGHN tự chủ về tài chính, nhưng vẫn phải tuân thủ các định mức kinh tế kỹ thuật, tiêu chuẩn ngành đã lạc hậu, không hợp lý. Nhiều định mức kinh tế kỹ thuật còn thiếu, nhưng không được tự xây dựng.

*Thứ tám*, theo quy định hiện hành, tiền mua sắm đầu tư một số tài sản cố định phục vụ giảng dạy, thực hành, thực tập trong năm không được tính là chi phí thường xuyên, không được dùng nguồn học phí để chi trả. Điều này làm cho việc đầu tư, mua sắm trong năm báo cáo gặp khó khăn, phức tạp. Ngoài ra việc cấp kinh phí đầu tư xây dựng cơ bản cho trường còn nhỏ giọt, chế độ khấu hao đối với một số máy móc, thiết bị giảng dạy với thời gian 5 năm là quá dài, không hợp lý.

- Định hướng ưu tiên đầu tư cho ĐHQGHN theo Nghị định 07/2001/NĐ-CP ngày 01/02/2001 về ĐHQGHN còn chưa được cụ thể hóa trong quá trình thực hiện các cơ chế, chính sách của một số bộ, ngành chức năng.

- ĐHQGHN quản lý ngân sách theo sản phẩm đầu ra nhưng chưa có đủ các tiêu chí, tiêu chuẩn của Nhà nước ban hành để làm căn cứ đánh giá kết quả các hoạt động, nhiệm vụ, chỉ tiêu đã thực hiện được.

- Nhà nước chưa có cơ chế tài chính áp dụng đặc thù đối với các ngành khoa học cơ bản. Vì vậy, một số ngành khoa học cơ bản của ĐHQGHN hiện nay đang đối mặt với vấn đề thiếu hụt nguồn lực cán bộ; không thu hút được sinh viên theo học; chất lượng đào tạo có xu hướng giảm sút (Phùng Xuân Nhạ & Phạm Xuân Hoan, 2012).

- ĐHQGHN chưa xây dựng được cơ chế tài chính đặc thù phát huy quyền tự chủ cao. Hiện trạng về nguồn lực về cơ sở vật chất của ĐHQGHN chưa đáp ứng được yêu cầu hoạt động và phát triển của ĐHQGHN (World Bank, 2012).

### **3. Một số giải pháp đẩy mạnh tự chủ tài chính ở ĐHQGHN giai đoạn 2016 - 2020**

#### **3.1. Quan điểm phát triển và yêu cầu đặt ra cho ĐHQGHN trong giai đoạn 2016 - 2020**

Trong Chiến lược phát triển đến năm 2020, ĐHQGHN phấn đấu trở thành trung tâm đại học nghiên cứu đa ngành, đa lĩnh vực đạt chuẩn quốc tế, nằm trong nhóm 200 đại học hàng đầu châu Á vào

năm 2015, vươn lên nhóm 200 đại học tiên tiến của thế giới vào năm 2020; đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, trình độ cao, bồi dưỡng nhân tài, nghiên cứu khoa học và công nghệ đỉnh cao, chuyển giao tri thức đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước và nhu cầu du học tại chỗ, thu hút các nhà khoa học xuất sắc về làm việc, nhiều sinh viên quốc tế đến học, làm nòng cốt và tiên phong trong đổi mới hệ thống giáo dục đại học Việt Nam (Đại học Quốc gia Hà Nội, 2014b). Với mục tiêu như vậy, quan điểm phát triển của ĐHQGHN trong giai đoạn tới là:

Nâng cao chất lượng, hiệu quả mọi hoạt động, phát triển ĐHQGHN gắn chặt với phát triển nền kinh tế tri thức, giáo dục đào tạo, khoa học công nghệ và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Tập trung nguồn lực đào tạo nhân lực tài năng, chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài gắn chặt với nghiên cứu khoa học - công nghệ đỉnh cao và chuyển giao tri thức, phát triển đội ngũ cán bộ nhanh chóng đạt chuẩn quốc tế là ưu tiên chiến lược trong suốt quá trình phát triển ĐHQGHN.

Phát huy sức mạnh tổng hợp mọi nguồn lực, tinh thần cộng đồng và thương hiệu ĐHQGHN; nâng cao tính tự chủ, chịu trách nhiệm xã hội và sáng tạo của các đơn vị; đẩy mạnh liên thông, liên kết, hợp tác toàn diện giữa các đơn vị trong ĐHQGHN với các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, địa phương trong và ngoài nước để tạo các giá trị gia tăng và các sản phẩm độc đáo.

(iv) Chú trọng phát triển và sử dụng tốt các nguồn lực tài chính, hiện đại hóa cơ sở vật chất và các điều kiện đảm bảo chất lượng khác để nâng cao hiệu quả mọi hoạt động.

(v) Phát triển toàn diện và bền vững, kết hợp áp dụng các giải pháp mang tính đột phá; ưu tiên đầu tư phát triển các hướng trọng điểm, mũi nhọn nhằm nhanh chóng đạt trình độ khu vực, quốc tế về một số lĩnh vực, ngành, chuyên ngành, bộ môn, khoa và đơn vị có chọn lọc.

Về mục tiêu tài chính, ĐHQGHN chủ trương khai thác tối đa quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm của các trường đại học thành viên thuộc ĐHQGHN hoạt động theo cơ chế đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và tự đảm bảo toàn bộ chi thường xuyên nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của đơn vị, đóng góp vào sự phát triển chung của ĐHQGHN. Các đơn vị thành viên quyết

định chiến lược phát triển, kế hoạch 5 năm và kế hoạch hằng năm của đơn vị phù hợp với chiến lược phát triển, kế hoạch 5 năm và kế hoạch hằng năm của ĐHQGHN; báo cáo ĐHQGHN để theo dõi, giám sát (Đại học quốc gia Hà Nội, 2014b).

Trước những yêu cầu về phát triển và đổi mới ở trên càng đòi hỏi công tác quản lý tài chính ở ĐHQGHN phải tiếp tục có những cải tiến nhằm phát huy được quyền tự chủ cao và đảm bảo được nguồn lực cho các hoạt động (Đại học quốc gia Hà Nội, 2016).

### **3.2. Một số giải pháp đẩy mạnh tự chủ tài chính ở ĐHQGHN giai đoạn 2016 - 2020**

- Áp dụng triệt để nguyên tắc gắn với sản phẩm đầu ra trong quản lý, phân bổ nguồn lực tài chính. ĐHQGHN xây dựng và trình Chính phủ cho phép áp dụng tự chủ tài chính đặc thù cho ĐHQGHN theo các nội dung và lộ trình.

- Đề xuất tự chủ tài chính áp dụng theo hình thức Nhà nước đặt hàng đối với các ngành khoa học cơ bản: Nhà nước có cơ chế đảm bảo cơ quan có nhu cầu tuyển dụng và sử dụng nhân lực được đào tạo; có chính sách ưu đãi đối với người dạy và người học. Trước mắt thực hiện đối với một số ngành có đặc thù cao.

- Đề xuất tự chủ tài chính để đào tạo chất lượng cao và đào tạo nhân tài, trước mắt áp dụng cơ chế đầu tư đảm bảo đủ nguồn lực thực hiện các chương trình đào tạo đạt trình độ quốc tế; đồng thời tăng học phí theo chất lượng đối với các chương trình đào tạo chất lượng cao đã được kiểm định và được xã hội thừa nhận; các trường đại học được tự chủ quyết định việc sử dụng nguồn lực tài chính đặc biệt trong việc thu hút và đãi ngộ cán bộ.

- Thực hiện việc cơ cấu lại ngân sách nhà nước giảm dần và tăng học phí theo lộ trình ngân sách nhà nước đối với các ngành có khả năng xã hội hóa cao theo lộ trình nhận giao khoán tổng nguồn lực tài chính.

- Tiếp tục thực hiện phân cấp cho các trường thành viên: mở rộng nguồn thu và khoán chi; hoàn thiện quy chế chi tiêu nội bộ; quy định trách nhiệm giải trình về tài chính giữa các cấp trong ĐHQGHN; tổ chức hoạt động kiểm soát nội bộ và công khai tài chính; đào tạo nâng cao năng lực quản lý tài chính cho các đơn vị trong ĐHQGHN.

## **4. Kết luận**

Xu hướng đổi mới giáo dục đại học, cơ chế tài

chính của Nhà nước đối với giáo dục đại học nói chung và đối với ĐHQGHN nói riêng đã và đang được đổi mới liên tục. Trên cơ sở đó, ĐHQGHN cũng đã tiến hành nhiều đổi mới quan trọng về cơ chế tài chính nội bộ của hệ thống. Những đổi mới nói trên, đã góp phần quan trọng vào sự phát triển mạnh mẽ của ĐHQGHN trong 20 năm qua, trong đó có sự mở rộng về quy mô, nâng cao chất lượng đào tạo, nâng cao vị thế; qua đó dần khẳng định vai trò là trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao hàng đầu của đất nước.

Tuy nhiên, cơ chế tự chủ tài chính hiện tại vẫn còn chứa đựng nhiều yếu tố bất cập đòi hỏi cao hơn nữa sự quan tâm lãnh đạo của Đảng, Nhà nước,

Chính phủ và xã hội đối với ĐHQGHN, trong giai đoạn mới công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cơ chế tài chính cần tiếp tục được cải thiện. Nghiên cứu này, đề xuất 5 hướng đẩy mạnh tự chủ tài chính cho ĐHQGHN mà Chính phủ có thể áp dụng là: phân bổ tài chính gắn với sản phẩm đầu ra, Nhà nước đặt hàng đào tạo, cơ chế thu đủ bù chi, tăng ngân sách nhà nước cho các ngành đào tạo cơ bản trong khi giảm ngân sách nhà nước cho các ngành đào tạo có khả năng xã hội hóa, tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động chung của ĐHQGHN xứng tầm với một đại học lớn trong khu vực và chất lượng cao thuộc top đầu của Việt Nam. □

### **Tài liệu tham khảo**

- Chính phủ (2013), *Nghị định số 186/2013/NĐ-CP về Đại học Quốc gia*, ban hành ngày 17 tháng 11 năm 2013.
- Chính phủ (2014), *Nghị quyết số 77/NQ-CP về thi điểm đổi mới cơ chế hoạt động đối với các cơ sở giáo dục đại học công lập giai đoạn 2014-2017*, ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2014.
- Chính phủ (2015), *Nghị định số 16/2015/NĐ-CP quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập*, ban hành ngày 14 tháng 02 năm 2015.
- Đại học Quốc gia Hà Nội (2014a), *Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên* ban hành kèm theo Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ.
- Đại học Quốc gia Hà Nội (2014b), *Chiến lược phát triển ĐHQGHN giai đoạn 2015 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030*, ban hành kèm theo Quyết định số 4488/QĐ-ĐHQGHN ngày 28/11/2014 của Giám đốc ĐHQGHN.
- Đại học Quốc gia Hà Nội (2016), *Kế hoạch phát triển ĐHQGHN giai đoạn 2016 - 2021*, ban hành kèm theo Quyết định số 1442/QĐ-ĐHQGHN ngày 04/5/2016 của Giám đốc ĐHQGHN.
- Phùng Xuân Nhạ & Phạm Xuân Hoan (2012), 'Chi phí, lợi ích đầu tư cho giáo dục đại học Việt Nam và hàm ý về lộ trình cải cách học phí theo nhóm ngành', *Tạp chí Phát triển Kinh tế*, tháng 10/2012.
- World Bank (2012), *Phát huy hiệu quả của giáo dục đại học*, báo cáo khu vực.